

NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG TƯ PHÁP NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN

TS LÊ NGUYỄN THANH

Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

Ho Chi Minh City University of Law

Email: lnthanh@hmcu.edu.vn

Tóm tắt

Người làm công tác xã hội là một trong những chủ thể mới được quy định trong Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Vì thế việc nhận thức về bản chất pháp lý và nhiệm vụ, quyền hạn của người làm công tác xã hội còn hạn chế. Đó cũng là vấn đề nghiên cứu cần được giải quyết trong bài viết này. Kết quả nghiên cứu cho thấy người làm công tác xã hội có nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng giải quyết vụ việc, vụ án liên quan đến người chưa thành niên phạm tội, đồng thời hỗ trợ người bị buộc tội và bị hại là người chưa thành niên khi có yêu cầu. Trên cơ sở nghiên cứu lịch sử vấn đề và phân tích pháp luật về người làm công tác xã hội, bài viết góp phần làm rõ bản chất pháp lý và một số vướng mắc, thiếu sót trong quy định nhiệm vụ, quyền hạn của người làm công tác xã hội, đồng thời kiến nghị hoàn thiện các quy định liên quan đến địa vị pháp lý của chủ thể này.

Từ khóa: công tác xã hội, người làm công tác xã hội, chưa thành niên, tư pháp

Abstract

Social workers are among the newly recognized subjects under the 2024 Law on Juvenile Justice (as amended and supplemented in 2025). Consequently, understanding their legal nature, duties, and powers remains limited. This is a gap this article seeks to address. Research findings indicate that social workers are mandated to coordinate with competent procedural authorities in resolving cases involving juvenile offenders, while providing support to juvenile defendants and victims upon request. By synthesizing historical research and legal analysis, this article clarifies the legal nature of social workers and identifies certain ambiguities and shortcomings in the regulations governing their duties and powers. Ultimately, the paper author proposes recommendations to refine the legal status of this subject.

Keywords: social work, social worker, juvenile, justice

DOI: <https://doi.org/10.70236/khplvn.723>

Ngày nhận bài: 01/12/2025

Ngày duyệt đăng: 15/03/2026

Các văn kiện pháp lý quốc tế về quyền trẻ em và Luật Trẻ em năm 2016 của Việt Nam đều có đề cập nhu cầu công tác xã hội (CTXH) và vai trò của người làm công tác xã hội (NLCTXH) trong việc hỗ trợ và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền giải quyết các vụ án có người bị buộc tội, bị hại là trẻ em. Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024, sửa đổi, bổ sung năm 2025 (Luật Tư pháp NCTN) là đạo luật đầu tiên về tư pháp NCTN ở Việt Nam. NLCTXH là chủ thể mới trong Luật Tư pháp NCTN nên chưa được bàn luận rộng rãi trong khoa học pháp lý. Trước khi có Luật Tư pháp NCTN, các công bố khoa học về tư pháp NCTN rất ít đề cập đến NLCTXH. Các nghiên cứu này cũng chỉ đưa ra các báo cáo, đánh giá chung về CTXH và vai trò của NLCTXH, trong đó có CTXH trong lĩnh vực tư pháp hình sự.¹ Sau khi Luật Tư pháp NCTN được ban hành năm 2024 đã có một số ít bài viết trên diễn đàn khoa học pháp lý bàn về thủ tục tham gia của NLCTXH tại các phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng NCTN phạm tội cũng như yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ của chủ thể này trong Luật Tư pháp NCTN; về thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử

¹ Cao Đăng Vinh, Lưu Thị Lam, Đoàn Xuân Trường, Nguyễn Am Hiếu, Nguyễn Tuấn Linh, Báo cáo rà soát pháp luật về công tác xã hội trong hệ thống tư pháp hình sự, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2023.

lý chuyển hướng tại cộng đồng...² Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vấn đề quan trọng chưa được nghiên cứu sâu, như bản chất pháp lý của NLCTXH để nhận diện đúng chủ thể này trong tư pháp NCTN và những thiếu sót trong quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của NLCTXH. Đây là những vấn đề cơ bản cần được trình bày trong bài viết này.

1. Khái quát về người làm công tác xã hội trong tư pháp người chưa thành niên

Các nghiên cứu trên thế giới chỉ ra rằng từ cuối thế kỷ XIX, các khu vực pháp lý đã phát triển những khía cạnh bổ sung cho hệ thống tư pháp NCTN để hệ thống này hoạt động hiệu quả hơn và đối xử với người phạm tội trẻ tuổi khác với người lớn. Hệ thống đó bao gồm: (i) hệ thống cung cấp dịch vụ; và (ii) hệ thống tòa án xử lý các trường hợp thanh thiếu niên từ giai đoạn chuyển hướng đến giai đoạn kết án.³

Một nghiên cứu khác còn cho thấy mô hình tư pháp NCTN có hai cách tiếp cận. Đó là cách tiếp cận tư pháp (*justice approach*) và cách tiếp cận phúc lợi (*welfare approach*). Cách tiếp cận tư pháp của hệ thống tư pháp NCTN chỉ giải quyết các trường hợp NCTN phạm tội chứ không phải các trường hợp trẻ em cần được chăm sóc hoặc bảo vệ. Việc cung cấp sự chăm sóc và hỗ trợ không phải là mục tiêu chính của hệ thống, mà trừng phạt mới là mục tiêu chính. Ngược lại, cách tiếp cận phúc lợi có thể được đặc trưng bởi sự bảo vệ, giúp đỡ và điều trị cho những người trẻ tuổi đã phạm tội. Phục hồi nhân phẩm cho từng trẻ em phạm tội là trọng tâm của cách tiếp cận này.⁴ Từ đó, có hai mô hình cung cấp các dịch vụ xã hội (*social service*) cho hệ thống tư pháp NCTN:

Một là, mô hình các dịch vụ xã hội được gắn trực tiếp quốc gia vào với tòa án. Tại một số quốc gia thuộc châu Âu, dịch vụ xã hội là một phần của tòa án NCTN và các nhân viên xã hội làm việc dưới sự giám sát của tòa án. Điển hình cho mô hình này là văn phòng của các nhân viên xã hội được đặt trong tòa án, và các nhân viên xã hội làm việc phối hợp chặt chẽ với các nhân viên tòa án NCTN như thẩm phán và công tố viên. Tại các quốc gia này, nhân viên xã hội có liên hệ hằng ngày với thẩm phán về các vụ án đang xét xử, ví dụ như Pháp, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha...⁵

Hai là, mô hình các dịch vụ xã hội độc lập với tòa án. Ở các quốc gia châu Âu khác (như Đức và Hà Lan cũng như một số nước theo truyền thống anglo-saxon), dịch vụ tư vấn xã hội cho tòa án NCTN về hoàn cảnh xã hội của bị cáo là NCTN không trực thuộc tòa án này mà là một tổ chức độc lập. Tại Scotland, các báo cáo điều tra xã hội (*Social inquiry reports*) cho tòa án và các báo cáo CTXH cho hệ thống xét xử trẻ em được chuẩn bị bởi các phòng CTXH của chính quyền địa phương. Ở Hà Lan, có Hội đồng Chăm sóc và bảo vệ trẻ em chịu trách nhiệm cung cấp báo cáo xã hội cho thẩm phán tòa án NCTN. Khi công tố viên có ý định đưa người trẻ tuổi ra tòa, họ có nghĩa vụ pháp lý phải yêu cầu Hội đồng Chăm sóc và bảo vệ trẻ em cung cấp báo cáo xã hội.⁶ Thời điểm dịch vụ xã hội bắt đầu can thiệp vào trường hợp của NCTN ở châu Âu có sự khác nhau; trong đó có quốc gia có nhân viên xã hội liên hệ với người trẻ ngay từ đầu thủ tục tố tụng, còn ở quốc gia khác thì nhân viên xã hội tham gia muộn hơn nhiều, tức là chỉ sau khi phiên tòa và phán quyết chính thức kết thúc.⁷

2 Lê Huỳnh Tấn Duy, Lê Bá Đức, “Thẩm quyền và thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng theo Luật Tư pháp người chưa thành niên” (tr.85-102) và Phạm Thái, “Thủ tục quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng theo Luật Tư pháp người chưa thành niên”, tr.103-118, trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học: “Xử lý chuyển hướng theo luật tư pháp người chưa thành niên”*, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, 2025.

3 Robert G. Schwartz, *The role of social work in juvenile justice: International experiences*, Raoul Wallenberg Institute of Human Rights and Humanitarian Law, Lund 2018, tr. 4.

4 Stephanie Elaine Rap, *The participation of social services in youth justice systems in Europe*, European Journal of Social Work, Vol. 18(05), 2015, tr. 679-680, <https://doi.org/10.1080/13691457.2014.942725>

5 Như trên, tr. 680.

6 Như trên, tr. 680-681.

7 Như trên, tr. 683.

Cách tiếp cận phúc lợi đối với tư pháp NCTN cũng là chuẩn mực quốc tế hiện đang được các quốc gia áp dụng. Trong đó, dịch vụ xã hội góp phần đáp ứng các mục tiêu của việc áp dụng tư pháp đối với NCTN. Cụ thể, Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của Liên hợp quốc về Hoạt động tư pháp đối với người chưa thành niên năm 1985⁸ có nêu: “Áp dụng tư pháp đối với người chưa thành niên cần chú trọng đến phúc lợi của người chưa thành niên, và phải bảo đảm rằng bất cứ việc xét xử nào đối với NCTN phạm tội phải luôn xem xét hoàn cảnh của người phạm tội cũng như hoàn cảnh dẫn đến hành vi phạm tội” (quy tắc 5). Để bảo đảm mục tiêu đó, phần quyết định biện pháp xử lý của quy tắc này (Phần III, quy tắc 16) cũng đề cập đến những BCĐTXH và vai trò của nó: “Trong tất cả các vụ án, trừ những vụ có liên quan đến hành vi phạm pháp ít nghiêm trọng, trước khi cơ quan có thẩm quyền đưa ra quyết định cuối cùng để đi đến tuyên án, cần phải điều tra kỹ hoàn cảnh sống của NCTN đó hay những điều kiện dẫn đến phạm tội, để tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền xét xử đưa ra được một phán quyết công minh”. Trong cách thức xử lý trẻ em bị tình nghi, bị cáo buộc hay bị xác nhận là đã vi phạm luật hình sự, Công ước về Quyền trẻ em năm 1989 của Liên hợp quốc khuyến nghị rằng trẻ em “được thông báo nhanh chóng và trực tiếp về lời buộc tội và nếu thích hợp, được thông báo qua cha mẹ hay người giám hộ hợp pháp của mình, được trợ giúp về mặt pháp lý hoặc *những* trợ giúp thích hợp khác để chuẩn bị và trình bày lời bào chữa của mình” (Điều 40 (2) (ii)). Trong đó, “những trợ giúp thích hợp khác” (*other appropriate assistance*) được Ủy ban về Quyền trẻ em giải thích trong Bình luận chung số 10 (2007) là: “cũng có thể được cung cấp (ví dụ: nhân viên xã hội), nhưng người đó phải có đủ kiến thức và hiểu biết về các khía cạnh pháp lý khác nhau của quá trình tố tụng chưa thành niên và phải được đào tạo để làm việc với trẻ em vi phạm pháp luật”.⁹ Bình luận chung số 24 (2019) của Ủy ban về Quyền trẻ em (thay thế Bình luận chung số 10 (2007)) cũng nhắc lại quan điểm này: “Trong trường hợp được phép cung cấp các hỗ trợ phù hợp khác, người cung cấp hỗ trợ phải có đủ kiến thức về các khía cạnh pháp lý của quy trình tư pháp dành cho trẻ em và được đào tạo phù hợp”.¹⁰

Các dịch vụ xã hội trong hệ thống tư pháp hình sự do nhân viên công tác xã hội (*social workers*) thực hiện (có thể gọi chung là NLCTXH). Có ý kiến cho rằng “nhờ tư vấn chuyên môn của nhân viên CTXH, cơ quan tiến hành tố tụng có thể hiểu rõ hơn các yếu tố nguy cơ tiềm ẩn và các vấn đề xã hội ảnh hưởng đến hành vi vi phạm của một cá nhân, đồng thời có khả năng thực hiện tốt hơn các biện pháp cải tạo người vi phạm pháp luật và ngăn ngừa tái phạm”.¹¹ Pháp luật ở các quốc gia thường giao nhiều nhiệm vụ cho cán bộ quản chế hoặc các chuyên gia làm CTXH và NLCTXH bán chuyên nghiệp khác làm việc cho các cơ quan quản chế dựa vào cộng đồng. Trong đó có các nhiệm vụ: (a) hỗ trợ NCTN trong quá trình thẩm vấn và tư vấn cho cơ quan tiến hành tố tụng ở giai đoạn trước khi xét xử; (b) giám sát bị cáo trước khi xét xử (NCTN và đã thành niên); (c) lập BCĐTXH trước khi tuyên án; (d) quản lý và giám sát người vi phạm bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp không giam giữ; (e) hỗ trợ trong quá trình thực thi bản án giam giữ; (f) hỗ trợ, chăm sóc sau khi được trả tự do.¹²

8 Các Quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của Liên Hợp quốc về hoạt động tư pháp đối với người vị thành niên, 1985.

9 Committee on the Rights of the Child, “General comment No. 10 (2007): Children’s rights in juvenile justice”, CRC/C/GC/10, (25/04/2007), đoạn 49.

10 Committee on the Rights of the Child, “General comment No. 24 (2019) on children’s rights in the child justice system”, CRC/C/GC/24, (18/09/2019), đoạn 52.

11 Cao Đăng Vinh, Lưu Thị Lam, Đoàn Xuân Trường, Nguyễn Am Hiếu, Nguyễn Tuấn Linh, *lddd*, tr. 32.

12 Cao Đăng Vinh, Lưu Thị Lam, Đoàn Xuân Trường, Nguyễn Am Hiếu, Nguyễn Tuấn Linh, *lddd*, tr. 43.

NLCTXH không chỉ hỗ trợ NCTN bị buộc tội mà còn hỗ trợ bị hại và người làm chứng. NLCTXH đóng vai trò quan trọng trong suốt quá trình tố tụng hình sự để hỗ trợ các bị hại và người làm chứng tham gia có hiệu quả vào quá trình tố tụng hình sự và phục hồi sau những tổn thương mà họ đã phải chịu đựng.¹³ Trong những năm gần đây, hệ thống tư pháp hình sự ngày càng chú ý đến vai trò quan trọng của NLCTXH và lực lượng khác hỗ trợ bị hại, người làm chứng trong quá trình xử lý các vụ việc liên quan đến bị hại và người làm chứng đặc biệt dễ bị tổn thương, bao gồm cả NCTN và bị hại khác của tội phạm bạo lực như bạo lực tình dục, bạo lực gia đình và buôn bán người.¹⁴

Trở lại bối cảnh Việt Nam, ngày 25/3/2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010 - 2020, đánh dấu sự bắt đầu của quá trình hình thành công tác xã hội chuyên nghiệp trong phạm vi hệ thống phúc lợi xã hội của Chính phủ. Theo đó, Bộ LĐTBXH đã xây dựng Đề án quốc gia về phát triển nghề CTXH trong đó xác định những mục tiêu từ năm 2010 đến năm 2020, bao gồm cả mục tiêu xây dựng một hệ thống cung cấp những dịch vụ CTXH ở cấp tỉnh, huyện và xã;¹⁵ Bộ Y tế ban hành Thông tư số 43/2015/TT-BYT ngày 26/11/2015 quy định về nhiệm vụ và hình thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ CTXH của bệnh viện; Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017 hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông và Thông tư số 33/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 hướng dẫn CTXH trong trường học. Sau Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg (giai đoạn 2010-2020), là Quyết định số 112/QĐ-TTg ngày 22/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển CTXH giai đoạn 2021-2030, trong đó có mục tiêu phát triển viên chức CTXH làm việc trong trại giam, trường giáo dưỡng và hệ thống tư pháp. Có thể nhận thấy trong tư pháp NCTN, trước năm 2024 chưa có khung pháp lý chính thức về NLCTXH. Thực tiễn chỉ có sự tham gia của người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã với vai trò là người đại diện và tham gia hạn chế trong các trường hợp “trẻ em hoặc người dưới 18 tuổi không có nơi cư trú rõ ràng, không xác định được lý lịch hoặc có người đại diện nhưng họ cố ý vắng mặt hoặc từ chối tham gia tố tụng”.¹⁶ Do còn thiếu khung pháp lý cụ thể và thiếu một mô hình hành nghề CTXH chuyên nghiệp nên thực tiễn xử lý vụ án có người bị buộc tội, bị hại, người làm chứng là NCTN ở Việt Nam trong thời gian qua chưa có sự tham gia đầy đủ, rõ ràng của NLCTXH, chưa có sự tách bạch với vai trò của NLCTXH với các cá nhân, tổ chức khác làm người đại diện cho NCTN.

Luật Trẻ em năm 2016 quy định trách nhiệm của người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng cho trẻ em (Điều 72). Trong lĩnh vực tư pháp, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã làm một số việc như tìm hiểu, cung cấp thông tin về hoàn cảnh cá nhân và gia đình của trẻ em cho người có thẩm quyền tiến hành tố tụng (khoản 2 Điều 72); tham gia vào quá trình tố tụng có liên quan đến trẻ em theo yêu cầu của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; tham gia cuộc họp của Hội đồng tư vấn áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn và quá trình xem xét tại tòa án để áp dụng biện pháp đưa trẻ em vào trường giáo dưỡng (khoản 3 Điều 72)... Người này có thể là viên

chức, công chức cấp xã làm việc kiêm nhiệm công tác bảo vệ trẻ em. Ở thời điểm này, chưa thấy có sự hiện diện của những NLCTXH chuyên nghiệp được đào tạo, chuyên cung cấp các dịch vụ xã hội trong lĩnh vực tư pháp NCTN. Hiện nay, NLCTXH trong các lĩnh vực nói chung là người có đủ điều kiện hành nghề CTXH, thực hiện theo Nghị định 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 về Công tác xã hội (gọi tắt là Nghị định 110). NLCTXH được tham gia vào các hoạt động tư pháp NCTN có thể xuất phát từ nhiều nguồn khác nhau, không chỉ giới hạn ở phạm vi những người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã (xem NLCTXH tại Điều 7 của Nghị định 110).

Như vậy, quá trình phát triển CTXH, nghề CTXH và đội ngũ NLCTXH ở Việt Nam cho thấy mạng lưới các cơ sở cung cấp dịch vụ CTXH ban đầu được hình thành ở một số ngành, như lao động - thương binh và xã hội, y tế, giáo dục và một số cơ sở thuộc các hội, đoàn thể chính trị - xã hội. Các cơ sở cung cấp các dịch vụ về CTXH như tư vấn, tham vấn, can thiệp, trị liệu tâm lý, phục hồi chức năng, giáo dục đặc biệt, dạy văn hóa, dạy nghề, giáo dục hướng nghiệp, chăm sóc sức khỏe và tinh thần cho hàng triệu lượt đối tượng.¹⁷ Riêng trong lĩnh vực tư pháp NCTN, mô hình CTXH phát triển muộn hơn và NLCTXH có vai trò hỗ trợ NCTN trong từng vụ án, vụ việc.

2. Người làm công tác xã hội theo Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024

2.1. Bản chất pháp lý của người làm công tác xã hội

Bản chất pháp lý của NLCTXH được thể hiện trước hết qua khái niệm và dấu hiệu của NLCTXH trong Luật Tư pháp NCTN năm 2024. Tuy nhiên, Điều 3 (giải thích từ ngữ) Luật Tư pháp NCTN năm 2024, không đưa ra khái niệm pháp lý mà chỉ liệt kê những người có chức danh, vị trí công việc có thể làm NCTXH trong tư pháp NCTN. Cụ thể, “Người làm công tác xã hội trong hoạt động tư pháp người chưa thành niên (sau đây gọi chung là người làm công tác xã hội) bao gồm công chức, viên chức, người lao động làm công tác xã hội, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, công chức văn hóa - xã hội cấp xã và người làm công tác xã hội khác theo quy định của pháp luật” (khoản 10). Theo đó, NLCTXH có hai nhóm chính: một là công chức, viên chức, người lao động làm việc trong cơ quan nhà nước cấp xã được phân công làm CTXH hoặc kiêm nhiệm làm công tác bảo vệ trẻ em; hai là NLCTXH khác theo quy định của pháp luật. Nhóm thứ hai này có thể là những NLCTXH trong các đơn vị sự nghiệp, tổ chức hoặc hành nghề CTXH độc lập, chuyên nghiệp được xác định theo Nghị định 110/2024.

Bản chất pháp lý của NLCTXH còn được thể hiện qua địa vị pháp lý của NLCTXH (Điều 32), trong đó có quy định về điều kiện về chuyên môn, nghiệp vụ và nhiệm vụ, quyền hạn của NLCTXH. NLCTXH phải có đủ hai điều kiện về chuyên môn, nghiệp vụ, đó là: có hiểu biết pháp luật về người chưa thành niên; và đã được đào tạo hoặc bồi dưỡng về tâm lý học, khoa học giáo dục người chưa thành niên hoặc có kinh nghiệm, hiểu biết về tâm lý người chưa thành niên hoặc có kỹ năng giao tiếp đối với người chưa thành niên. Với các dấu hiệu pháp lý (khoản 10 Điều 3; khoản 1 Điều 32) và hệ thống các quyền, nghĩa vụ (khoản 2 Điều 32) có thể nhận thấy NLCTXH có một số đặc điểm sau đây:

Thứ nhất, NLCTXH có nhiệm vụ phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng để giải quyết các vụ án có người bị buộc tội, bị hại là NCTN. Đó là phối hợp xử lý chuyển hướng đối với NCTN phạm tội, đồng thời hỗ trợ và can thiệp phù hợp đối với NCTN khi có yêu cầu (điểm b khoản 2 Điều 32). NCTN được hỗ trợ là bị can, bị

13 Cao Đăng Vinh, Lưu Thị Lam, Đoàn Xuân Trường, Nguyễn Am Hiếu, Nguyễn Tuấn Linh, *ltdđ*, tr. 32.

14 Cao Đăng Vinh, Lưu Thị Lam, Đoàn Xuân Trường, Nguyễn Am Hiếu, Nguyễn Tuấn Linh, *ltdđ*, tr. 68.

15 Bộ Lao động, thương binh và xã hội và Unicef, *Báo cáo tình hình thực hiện Quyết định 32/2010/QĐ-TTg về phát triển nghề công tác xã hội tại Việt Nam - Rà soát tiến độ của Bộ Lao động, thương binh và Xã hội và UNICEF Việt Nam*, 2014, tr. 7.

16 T. Nhung, *Thực trạng quy định pháp luật về công tác xã hội trong lĩnh vực Tư pháp* (trích ý kiến của Tiến sĩ Lê Thị Vân Anh, Phó Vụ trưởng, Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp), 2023, *Báo ViệtNamNet*, <https://vietnamnet.vn/thuc-trang-quy-dinh-phap-luat-ve-cong-tac-xa-hoi-trong-linh-vuc-tu-phap-2148426.html>, truy cập ngày 1/8/2025.

17 Lê Anh, *Cần quy định rõ khái niệm, nội hàm công tác xã hội với người chưa thành niên* (Trích ý kiến của Phó Cục trưởng, Cục Bảo trợ xã hội - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội Phạm Thị Hải Hà), *Cổng thông tin điện tử Quốc hội Việt Nam*, 2024, <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=86016>, truy cập 7/4/2025.

cáo (điểm b khoản 2 Điều 21) và bị hại (điểm h khoản 1 Điều 22). Đặc điểm này cho thấy NLCTXH là một loại chủ thể đặc biệt, bắt buộc tham gia vào một số hoạt động tố tụng và cũng có thể tham gia một số hoạt động tư pháp khác có NCTN là bị can, bị cáo và bị hại. Địa vị pháp lý của NLCTXH chỉ được quy định trong Luật Tư pháp NCTN năm 2024.

Thứ hai, NLCTXH là người thực hiện chức năng hỗ trợ tư pháp, bởi vì chủ thể này phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, đồng thời cũng hỗ trợ bị can, bị cáo và bị hại là NCTN khi có yêu cầu, nhưng họ không nhân danh hoặc đại diện cho lợi ích của bên nào hoặc chủ thể nào khi tham gia vào quá trình giải quyết vụ án hình sự. NLCTXH hoàn toàn vô tư đề xuất hoặc không đề xuất áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng đối với bị can là NCTN (điểm k khoản 2 Điều 54), vì lợi ích tốt nhất của NCTN. Các hoạt động điển hình mà NLCTXH thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án như xây dựng và cung cấp BCĐTXH cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; đề xuất áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng; xây dựng kế hoạch xử lý chuyển hướng; tham gia công tác thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng, tái hòa nhập cộng đồng cho NCTN. Ngoài ra, NLCTXH có thể hỗ trợ, hướng dẫn bị can, bị cáo và bị hại là NCTN tiếp cận các thủ tục tố tụng khi có yêu cầu. Vai trò chính của NLCTXH là phối hợp và tư vấn cho cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Với đặc điểm này, vai trò của NLCTXH khác với người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự là NCTN hoặc là người đại diện cho NCTN.

Thứ ba, mặc dù NLCTXH thực hiện chức năng hỗ trợ tư pháp, nhưng khi thực hiện nhiệm vụ có thể đem lại lợi ích cho một chủ thể và xung đột với lợi ích của chủ thể khác. Đó là việc cung cấp BCĐTXH, trong đó có đề nghị xử lý chuyển hướng hoặc không; xây dựng kế hoạch xử lý chuyển hướng (nếu có); hỗ trợ, can thiệp, tư vấn khi có yêu cầu... Vì vậy, một NLCTXH có thể tham gia hỗ trợ nhiều người bị buộc tội hoặc nhiều bị hại, nhưng không đồng thời hỗ trợ cả người bị buộc tội và bị hại trong cùng một vụ án (khoản 4 Điều 32). Đặc điểm này một lần nữa cho thấy NLCTXH là một chủ thể khá đặc biệt. Vai trò, chức năng của chủ thể này không chỉ khác với người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi, người đại diện mà còn khác với các chủ thể cùng nhóm thực hiện chức năng hỗ trợ tư pháp khác (như người làm chứng, người giám định, người định giá tài sản...).

2.2. Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của người làm công tác xã hội và một số hạn chế, vướng mắc

2.2.1. Nhiệm vụ, quyền hạn của người làm công tác xã hội

Theo khoản 2 Điều 32 Luật Tư pháp NCTN năm 2024, thì nhiệm vụ, quyền hạn của NLCTXH có thể được chia thành ba nhóm: *Nhóm thứ nhất*, NLCTXH có nhiệm vụ phối hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng giải quyết vụ án như thủ tục tố tụng bắt buộc, bao gồm: xây dựng BCĐTXH, kế hoạch xử lý chuyển hướng (điểm a khoản 2); tham gia phiên họp, phiên tòa theo quy định của Luật này (điểm c khoản 2); tham gia công tác thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng, tái hòa nhập cộng đồng cho NCTN theo quy định của pháp luật (điểm d khoản 2). *Nhóm thứ hai*, NLCTXH tham gia hỗ trợ và can thiệp phù hợp cho NCTN khi có yêu cầu (điểm b khoản 2). Đối tượng được hỗ trợ và can thiệp bao gồm cả bị can, bị cáo và bị hại trong trường hợp cần thiết. *Nhóm thứ ba*, NLCTXH được thanh toán chi phí khi tham gia hoạt động tư pháp NCTN theo quy định của pháp luật (điểm đ khoản 2) và

thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Tư pháp NCTN năm 2024 (điểm e khoản 2). Nhiệm vụ, quyền hạn khác của NLCTXH có thể phát sinh ngoài các trường hợp trên mà nhà làm luật không thể liệt kê đầy đủ, nhưng vẫn phù hợp với Luật Tư pháp NCTN.

Nhiệm vụ, quyền hạn của NLCTXH được biểu hiện qua các hoạt động phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền như sau: ngay sau khi khởi tố bị can là NCTN, Cơ quan điều tra phải có văn bản yêu cầu NLCTXH tham gia tố tụng (khoản 1 và khoản 5 Điều 53 Luật Tư pháp NCTN năm 2024). Nếu xác nhận tham gia tố tụng, NLCTXH sẽ tham gia vào quá trình giải quyết vụ án. NLCTXH trở thành người tham gia tố tụng kể từ khi có văn bản thông báo về việc tham gia tố tụng (khoản 5 Điều 53 Luật Tư pháp NCTN năm 2024). Nhiệm vụ trước hết của NLCTXH là xây dựng BCĐTXH (khoản 1 Điều 54 Luật Tư pháp NCTN năm 2024). Nội dung báo cáo được quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 54, trong đó có thể đề xuất áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng; xây dựng kế hoạch xử lý chuyển hướng theo yêu cầu của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án sau khi có quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng (khoản 1 Điều 58 Luật Tư pháp NCTN năm 2024). Nội dung kế hoạch xử lý chuyển hướng được quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 58; tham gia phiên họp, phiên tòa theo quy định; tham gia công tác thi hành các quyết định xử lý chuyển hướng tại cộng đồng, tái hòa nhập cộng đồng... Vì vậy, NLCTXH phải có mặt tại phiên họp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng (điểm b khoản 4 Điều 55 và Điều 59 Luật Tư pháp NCTN năm 2024), có mặt tại phiên tòa (Điều 150 Luật Tư pháp NCTN năm 2024) và trình bày BCĐTXH và BCĐTXH bổ sung (nếu có); đề nghị áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng (nếu có) và những vấn đề khác có liên quan (Điều 151); và việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác của NLCTXH theo quy định của Luật Tư pháp NCTN năm 2024. Ngoài ra, trong trường hợp cần thiết khi lấy lời khai, hỏi cung, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể mời NLCTXH tham gia (khoản 3 Điều 144 Luật Tư pháp NCTN năm 2024)... Như vậy, những nhiệm vụ, quyền hạn nêu trên trở thành điểm mới đáng chú ý về thủ tục tố tụng trong tư pháp NCTN.

Tuy nhiên nội hàm của hoạt động hỗ trợ và can thiệp phù hợp đối với NCTN khi có yêu cầu (điểm b khoản 2 Điều 32 Luật Tư pháp NCTN năm 2024) không được giải thích cụ thể. Đối chiếu với quyền của bị can, bị cáo và bị hại, sự hỗ trợ này chỉ là “sự hỗ trợ của người làm công tác xã hội trong quá trình tố tụng” (điểm b khoản 2 Điều 21 và điểm h khoản 1 Điều 22 Luật Tư pháp NCTN năm 2024). Đối với bị hại là NCTN, theo đề nghị của bị hại, người đại diện của họ hoặc khi xét thấy cần thiết, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đề nghị NLCTXH tham gia tố tụng để hướng dẫn, hỗ trợ cho NCTN (khoản 4 Điều 154 Luật Tư pháp NCTN năm 2024). Nội dung hỗ trợ, can thiệp chủ yếu là hướng dẫn, tư vấn để tiếp cận các thủ tục tố tụng được thuận lợi, phòng ngừa tác động tiêu cực của các thủ tục tố tụng, không bao gồm sự hỗ trợ, can thiệp về y tế, tâm lý, giáo dục... (hỗ trợ lĩnh vực này do các chuyên gia thực hiện). Ngoài ra, NLCTXH còn được bảo đảm thanh toán chi phí khi tham gia hoạt động tư pháp NCTN từ ngân sách nhà nước (điểm h khoản 2 Điều 4 Luật Tư pháp NCTN năm 2024).

2.2.2. Một số hạn chế, vướng mắc trong quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của người làm công tác xã hội

Thứ nhất, nhiệm vụ, quyền hạn của NLCTXH còn hạn chế trong phạm vi chỉ hỗ trợ và can thiệp đối với bị can, bị cáo và bị hại. Mặc dù điểm b khoản 2 Điều 32 Luật Tư pháp NCTN năm 2024 quy định NLCTXH “tham gia hỗ trợ và can thiệp phù hợp

đối với người chưa thành niên khi có yêu cầu”, tuy nhiên khi đối chiếu với các quy định khác thì chỉ có NCTN là bị can, bị cáo và bị hại được NLCTXH hỗ trợ trong quá trình tố tụng (điểm b khoản 2 Điều 21; khoản 2 Điều 22 Luật Tư pháp NCTN năm 2024), còn người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, người làm chứng không được sự hỗ trợ của NLCTXH trong quá trình tố tụng. Rõ ràng, những chủ thể này cũng cần nhận được sự hỗ trợ sớm từ NLCTXH, bên cạnh sự hỗ trợ của các chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục, xã hội học trong trường hợp cần thiết. Sự hỗ trợ đó không chỉ giúp họ tiếp cận thuận lợi các thủ tục tố tụng mà còn hạn chế những tổn thương phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời bảo đảm sự công bằng trong tư pháp NCTN. Theo các quy định hiện hành thì người làm chứng là NCTN cũng là chủ thể được áp dụng các thủ tục tố tụng đặc biệt dành cho NCTN. Việc NLCTXH hỗ trợ các bị hại và người làm chứng là NCTN trong quá trình giải quyết vụ án hình sự là vấn đề nhận thức và thực tiễn phổ biến trên phạm vi toàn cầu.¹⁸ Vì vậy, việc Luật Tư pháp NCTN năm 2024 loại trừ sự hỗ trợ của NLCTXH đối với người làm chứng là NCTN (khoản 2 Điều 22 Luật Tư pháp NCTN năm 2024) trong quá trình tố tụng là một thiếu sót.

Thứ hai, Luật Tư pháp NCTN năm 2024 chưa quy định những trường hợp NLCTXH không được thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn hoặc phải từ chối thực hiện trong từng vụ việc, vụ án cụ thể. NLCTXH sẽ không được tham gia thực hiện nhiệm vụ nếu có lý do cho rằng họ không thể vô tư, khách quan hoặc có thể gây bất lợi cho NCTN hoặc vượt quá khả năng hỗ trợ của họ... NLCTXH không phải là người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, chỉ tham gia hỗ trợ tư pháp, tuy nhiên, khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn có thể gây ra xung đột lợi ích. Do đó, NLCTXH không được thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, phải từ chối hoặc bị thay đổi nếu có lý do chính đáng. Hạn chế này có nguyên nhân từ việc Luật Tư pháp NCTN năm 2024 cũng chưa quy định những trường hợp mà NLCTXH không được thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn; Mặt khác, Luật Tư pháp NCTN cũng chưa quy định NCTN hoặc người đại diện của họ có quyền từ chối NLCTXH hoặc đề nghị thay đổi NLCTXH; từ chối nhận sự hỗ trợ hoặc đề nghị dừng hỗ trợ, can thiệp của NLCTXH nếu thấy không phù hợp. Về vấn đề này, có thể tham khảo Điều 16 Nghị định 110 về quyền được từ chối sử dụng dịch vụ công tác xã hội của đối tượng CTXH.

Thứ ba, Luật Tư pháp NCTN năm 2024 chưa quy định trách nhiệm của NLCTXH như các chủ thể có nhiệm vụ, quyền hạn khác. Những trách nhiệm cần có của NLCTXH khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn như: trung thực và tôn trọng sự thật khi thực hiện nhiệm vụ; tôn trọng danh dự, nhân phẩm và lợi ích của chủ thể được hỗ trợ; không lợi dụng công việc hỗ trợ, can thiệp để xâm phạm lợi ích của NCTN; không được từ chối thực hiện nhiệm vụ đã nhận mà không có lý do chính đáng... Như đã biết, NLCTXH có địa vị pháp lý khá đặc biệt: vừa có nhiệm vụ tham gia tố tụng như một chủ thể thực hiện chức năng hỗ trợ tư pháp, vừa có “quyền hạn” trong hoạt động phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, do đó, cũng phải có trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn. Vì vậy, Điều 32 Luật Tư pháp NCTN năm 2024 chưa quy định trách nhiệm của NLCTXH, là sự thiếu sót trong việc xác định địa vị pháp lý của NLCTXH.

Thứ tư, quyền của NLCTXH được thanh toán chi phí khi tham gia hoạt động tư pháp của NCTN là “quyền lợi”, không phải nhiệm vụ, quyền hạn. Vì thế quyền này không phù hợp với nội dung Điều 32 của Luật Tư pháp NCTN năm 2024.

3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm người làm công tác xã hội

Thứ nhất, điểm b khoản 2 Điều 32 Luật Tư pháp NCTN năm 2024 cần quy định cụ thể NLCTXH có nhiệm vụ, quyền hạn tham gia hỗ trợ và can thiệp phù hợp đối với NCTN là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại và người làm chứng trong quá trình tố tụng khi có yêu cầu hoặc đề nghị. Đồng thời, để đồng bộ cũng cần bổ sung quyền của NCTN là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, người làm chứng được NLCTXH hỗ trợ trong quá trình tố tụng (khoản 2 Điều 21, khoản 2 Điều 22 Luật Tư pháp NCTN năm 2024). Lưu ý rằng sự hỗ trợ của NLCTXH trong quá trình tố tụng khác với sự hỗ trợ của các chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục, xã hội học trong trường hợp cần thiết được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 21, điểm c khoản 1 Điều 22 Luật Tư pháp NCTN năm 2024.

Thứ hai, bổ sung quyền của NLCTXH từ chối thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong từng vụ việc, vụ án cụ thể, nếu nhiệm vụ, quyền hạn trong trường hợp đó không thích hợp hoặc vượt quá khả năng. Kiến nghị này bảo đảm NLCTXH thực hiện nhiệm vụ một cách vô tư và hiệu quả, tránh xung đột lợi ích. Để đồng bộ với kiến nghị này, Luật Tư pháp NCTN năm 2024 cần bổ sung quy định những trường hợp NLCTXH phải từ chối thực hiện nhiệm vụ quyền hạn hoặc bị thay đổi; bổ sung quyền của NCTN hoặc người đại diện của họ từ chối NLCTXH hoặc đề nghị thay đổi NLCTXH; từ chối hỗ trợ hoặc đề nghị dừng sự hỗ trợ, can thiệp của NLCTXH nếu có xung đột với lợi ích của NCTN hoặc công việc hỗ trợ không phù hợp, không còn cần thiết.

Thứ ba, cần bổ sung quy định về trách nhiệm của NLCTXH. Đó là trách nhiệm trung thực và tôn trọng sự thật khi thực hiện nhiệm vụ; tôn trọng danh dự, nhân phẩm và lợi ích của chủ thể được hỗ trợ; không được lợi dụng công việc hỗ trợ, can thiệp để xâm phạm lợi ích của NCTN; không được từ chối thực hiện nhiệm vụ khi không có lý do chính đáng... Theo đó, khoản 2 Điều 32 Luật Tư pháp NCTN năm 2024 cần được bổ sung nội dung về trách nhiệm bên cạnh nhiệm vụ, quyền hạn.

Ngoài ra, có thể cân nhắc tách quyền của NLCTXH được thanh toán chi phí khi tham gia hoạt động tư pháp NCTN khỏi khoản 2 Điều 32 Luật Tư pháp NCTN năm 2024, vì đây là quyền lợi, khác với nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm.

Kết luận

CTXH và NLCTXH trong tư pháp hình sự không còn là vấn đề mới trong pháp luật và thực tiễn ở các nước trên thế giới. Ở Việt Nam, Luật Tư pháp NCTN mới được ban hành và có hiệu lực từ ngày 1/1/2026, trong đó NLCTXH là chủ thể mới được quy định trong luật này. Mô hình CTXH và quản lý, hoạt động của NLCTXH ở Việt Nam có nét tương đồng với mô hình CTXH độc lập với tòa án trên thế giới. Qua nghiên cứu Luật Tư pháp NCTN năm 2024, có thể nhận thấy NLCTXH là chủ thể thực hiện chức năng hỗ trợ tư pháp; có nhiệm vụ, quyền hạn phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng giải quyết vụ án của NCTN như một thủ tục bắt buộc, đồng thời hỗ trợ, can thiệp đối với NCTN trong trường hợp cần thiết và theo yêu cầu.

NLCTXH trong tư pháp NCTN là một dạng đặc biệt của NLCTXH, nên cần đáp ứng các điều kiện cụ thể về chuyên môn, nghiệp vụ đặc thù của lĩnh vực này. Để thống nhất áp dụng pháp luật cũng như phát huy vai trò của CTXH và NLCTXH trong tư pháp NCTN cần thiết hoàn thiện các quy định liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của NLCTXH như: mở rộng phạm vi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của NLCTXH khi

¹⁸ Cao Đăng Vinh, Lưu Thị Lam, Đoàn Xuân Trường, Nguyễn Am Hiếu, Nguyễn Tuấn Linh, *ltd*, tr. 32.

cần thiết hỗ trợ, can thiệp đối với một số NCTN khác, không phải là bị can, bị cáo và bị hại; hoàn thiện các quy định liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của NLCTXH, đó là trường hợp NLCTXH không được thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn; quyền từ chối thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn; bổ sung trách nhiệm của NLCTXH để bảo đảm công lý, công bằng và lợi ích tốt nhất của NCTN. Ngoài ra, để đồng bộ, có thể bổ sung quy định NCTN và người đại diện của họ có quyền từ chối NLCTXH hoặc đề nghị thay đổi NLCTXH; từ chối nhận sự hỗ trợ cũng như đề nghị dùng hỗ trợ, can thiệp từ NLCTXH.

Đây mới chỉ là những nghiên cứu bước đầu về NLCTXH trong bối cảnh Luật Tư pháp NCTN vừa được ban hành và chưa có nhiều thông tin từ thực tiễn áp dụng. Kết quả nghiên cứu này có thể gợi mở nhiều vấn đề liên quan đến NLCTXH trong tư pháp NCTN ở Việt Nam. Đó là các điều kiện cụ thể về chuyên môn, nghiệp vụ của NLCTXH; vấn đề thành lập, quản lý tổ chức của NLCTXH ở địa phương; đào tạo nguồn nhân lực làm NLCTXH trong tư pháp NCTN, đặc biệt nguồn nhân lực NLCTXH trong các tổ chức, đơn vị sự nghiệp hoặc hoạt động độc lập, chuyên nghiệp mà không phải công chức, viên chức nhà nước; các loại hình CTXH nhằm hỗ trợ, can thiệp, điều trị cho NCTN bị tổn thương, bị đe dọa về sự an toàn; vấn đề trách nhiệm và xử lý trách nhiệm đối với NLCTXH vi phạm khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và Unicef, *Báo cáo tình hình thực hiện Quyết định 32/2010/QĐ-TTg về phát triển nghề công tác xã hội tại Việt Nam - Rà soát tiến độ của Bộ Lao động, thương binh và Xã hội và UNICEF Việt Nam*, 2014 [trans: Ministry of Labour - Invalids and Social Affairs, Unicef, *Report on the implementation of Decision No. 32/2010/QĐ-TTg on the development of the social work profession in Vietnam: A progress review by the Ministry of Labour - Invalids and Social Affairs and UNICEF Vietnam*, 2014]
- [2] Cao Đăng Vinh, Lưu Thị Lam, Đoàn Xuân Trường, Nguyễn Am Hiếu, Nguyễn Tuấn Linh, *Báo cáo rà soát pháp luật về công tác xã hội trong hệ thống tư pháp hình sự*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2023 [Cao Dang Vinh, Luu Thi Lam, Doan Xuan Truong, Nguyen Am Hieu, Nguyen Tuan Linh, *Report on the review of legislation on social work within the criminal justice system*, Labour Publishing House, Hanoi, 2023]
- [3] Committee on the Rights of the Child, “General comment No. 10 (2007): Children’s rights in juvenile justice”, CRC/C/GC/10, (25/04/2007)
- [4] Committee on the Rights of the Child, “General comment No. 24 (2019) on children’s rights in the child justice system”, CRC/C/GC/24, (18/09/2019)
- [5] Robert G. Schwartz, *The role of social work in juvenile justice: International experiences*, Raoul Wallenberg Institute of Human Rights and Humanitarian Law, Lund, 2018
- [6] Stephanie Elaine Rap, “The participation of social services in youth justice systems in Europe”, *European Journal of Social Work*, Vol. 18(05), 2015, <https://doi.org/10.1080/13691457.2014.942725>